

Bản án số: 104/2019/HS-ST
Ngày 05-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh;

Ông Hoàng Đắc Hân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 111/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Hoàng Thế M, sinh năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Thôn 9, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Th và bà Hoàng Thi O; có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con; tiền án: Không, tiền sự:

- Quyết định số 2122-26/QĐ-UBND ngày 12/5/2010 của UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng;

- Quyết định số 184/QĐ-TA ngày 04/11/2016 của TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

Bị bắt tạm giam ngày 27/6/2019; có mặt.

2/ Vũ Trọng C, sinh năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng H2 và bà Lê Thị X; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự:

- Quyết định số 74/QĐ-XLHC ngày 27/6/2016 của TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

- Quyết định số 341/QĐ-XPVPHC ngày 18/9/2018 của Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Bị bắt tạm giam ngày 27/6/2019; có mặt.

3/ Đồng Đức C1, sinh năm 1966 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Đức M và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; tiền sự: Không, tiền án:

- Bản án số 67 ngày 12/9/1991 của TAND huyện An Hải, thành phố Hải Phòng phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân;

- Bản án số 76 ngày 01/10/1992 của TAND huyện An Hải, thành phố Hải Phòng phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp với 12 tháng tù của bản án trước, buộc chấp hành 24 tháng tù;

- Bản án số 06 ngày 10/01/1996 của TAND thành phố Hải Phòng phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội Gây rối trật tự công cộng;

- Bản án số 09/ST ngày 12/6/2001 của TAND huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Bản án số 333.STHS ngày 13/11/2001 của TAND TP Hải Phòng phạt 11 năm tù về tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản, tổng hợp với 03 năm tù của bản án trước, buộc chấp hành 14 năm tù;

- Bản án số 42/2017/HSST ngày 26/9/2017 của TAND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Bị bắt tạm giam ngày 09/9/2019; có mặt.

Bị hại:

1. Chị Hoàng Thanh H, sinh năm 1989; cư trú: Thôn 9, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Bình H1, sinh năm 1971; cư trú: Thôn 9, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Đình M, sinh năm 1964; cư trú: xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thế M và Vũ Trọng C là bạn nghiện ma túy, cả hai đã bàn bạc cùng nhau lấy cắp tài sản của người khác bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2019 đến ngày 17/6/2019, M và C đã hai lần lấy tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 08/6/2019, C chở M bằng xe mô tô biển kiểm soát 16K5-4888. Khi đi đến khu vực Thôn 9, xã C, huyện T, cả hai phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 16N6-7818 của chị Hoàng Thanh H đang để trước cửa nhà không có ai trong coi. C dừng xe đứng ngoài chờ, Mạnh cầm tô vít chuẩn bị sẵn, đi vào phá khóa, nổ máy phóng xe đi. C phóng xe chạy theo. Trên đường đi thì M đã vít chiếc tô vít đi (không tìm lại được). Đến 19 giờ cùng ngày, cả hai mang chiếc xe của chị H sang nhà Đồng Đức C1. Tại đây, M và C nói với C1 là xe vừa lấy cắp rồi gạ bán cho C1. C1 Đồng ý mua và đưa lại cho M 08 gói heroin tương đương 800.000 đồng. M chia cho C 04 gói heroin và cả hai đã sử dụng hết.

Sau khi mua xe của M và C, C1 mang chiếc xe này đến bán lại cho ông Bùi Đình M với giá 2.500.000 đồng. Trên đường đi, C1 đã tháo vít biển số chiếc xe này ở rìa đường (không tìm lại được). Khi bán xe cho ông M, C1 nói dối là xe của C1 bị mất giấy tờ và bị gãy biển số.

Ngày 19/6/2019, ông M tự nguyện giao nộp lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 16N6-7818 cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên. Ông M không yêu cầu C1 phải trả lại số tiền mua xe cho ông.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 16N6-7818 của chị Hoàng Thanh H trị giá 8.000.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên). Chiếc xe mô tô này đã được cơ quan điều tra trả lại cho chị H.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 17/6/2019, C chở M bằng xe mô tô biển kiểm soát 16L9-1056. Khi đi đến khu vực Thôn 7, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, cả hai phát hiện thấy 01 chiếc máy hàn màu vàng đen của ông Nguyễn Bình H1 để ở sân nhà bà Hoàng Thị Nh (sinh năm 1975, địa chỉ Thôn 7, xã K, huyện T) không có người trông coi. C dừng xe đứng ngoài chờ, M đi vào sân bê chiếc máy hàn đem ra. C chở M mang theo máy hàn ra khu vực C1h đồng xã An Hồng, huyện An Dương để bán cho C1. C1 đã được M và C cho biết là máy hàn là do lấy cắp. C1 vẫn đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. Nhưng do C1 không có tiền nên đã đưa cho M và C 04 gói heroin tương đương 400.000 đồng, còn lại 600.000 đồng C1 nợ, vẫn chưa trả được cho M và C. M và C chia nhau mỗi người 02 gói heroin và sử dụng hết.

C1 đem chiếc máy hàn đến nhà em dâu là chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1983, địa chỉ xã A, huyện A) để cất giấu vào gầm giường. Chị H3 không biết chiếc máy hàn này là do C1 mua để vào nhà chị. Ngày 19/6/2019, Cơ quan điều tra đã khám xét và thu giữ chiếc máy hàn trên.

Chiếc máy hàn điện tử xách tay, màu sơn đen vàng trị giá 1.100.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên). Chiếc máy hàn này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho ông H1.

Chị Hoàng Thanh H đã nhận lại chiếc xe mô tô, ông Nguyễn Bình H1 đã nhận lại chiếc máy hàn. Chị H và ông H1 không yêu cầu bồi thường thêm nhưng đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng xử lý nghiêm đối với hai bị cáo M và C.

Tiến hành khám xét nhà C1, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16P1-4215. Chủ sở hữu của chiếc xe này là của ông Trần Văn T (sinh năm 1975, đại chỉ Thôn 8, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Ông T khai bị mất chiếc xe này vào ngày 18/6/2019. C1 khai chiếc xe này do một người bạn gửi (không rõ căn cước, lai lịch). Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông T và tiếp tục điều tra, làm rõ nguyên nhân ông T mất chiếc xe này.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K5-4888 là của bà Lê Thị X (mẹ đẻ của C), chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16L9-1056 là của anh Đào Đức T1 (sinh năm 1977, địa chỉ Thôn 1, xã G, huyện T) được C sử dụng chở M đi lấy cắp tài sản vào ngày 08/6/2019 và ngày 17/6/2019. Cả bà X và anh T không biết là C mượn xe của mình sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả hai chiếc xe này cho bà X, anh T.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy của Đồng Đức C1, Hoàng Thế M và Vũ Trọng C xảy ra trên địa bàn huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình điều tra, Công an huyện Thủy Nguyên đã trao đổi và chuyển nguồn tin trên kèm theo các tài liệu, vật chứng liên quan đến Công an huyện An Dương để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 09/10/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Hoàng Thế M và Vũ Trọng C về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Đồng Đức C1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1. Kiểm sát viên đánh giá ba bị cáo M, C và C1 có nhân thân xấu; hai bị cáo M và C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo C1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm; cả 3 bị cáo đều được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; Kiểm sát viên

đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thế M và bị cáo Vũ Trọng C, mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đồng Đức C1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Đề nghị không phạt tiền bổ sung vì các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập; về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu đối với bị cáo M và bị cáo C, mỗi bị cáo số tiền 600.000 đồng, truy thu bị cáo C1 số tiền 1.700.000 đồng, đây là tiền các bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp; về án phí, đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1 đồng ý cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo M và bị cáo C khai nhận là bán nghiện ma túy, vì không có tiền ăn tiêu và mua ma túy nên các bị cáo đã bàn nhau đi lấy trộm tài sản của người khác; cả hai bị cáo đã nghiện ma túy đã lâu và đã bị cai nghiện bắt buộc tuy nhiên vẫn chưa cai được. Bị cáo C1 biết rõ chiếc xe mô tô và chiếc máy hàn là của M và C lấy trộm, nhưng bị cáo vẫn mua những thứ này để bán lại kiếm lời; 02 gói ma túy mà lực lượng chức năng thu giữ tại nhà là của riêng bị cáo. Cả ba bị cáo hối hận và mong Hội đồng xét xử khoan hồng để các bị có thời gian cải tạo ngắn để sớm tái hòa nhập xã hội, làm lại cuộc đời giúp đỡ gia đình.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1

Để có tiền tiêu xài và mua ma túy nên trong 02 ngày 08/6/2019 và 17/6/2019, Hoàng Thế M và Vũ Trọng C đã bàn bạc rủ nhau lợi dụng những lúc các chủ tài

sản khác sơ ý không trông nom tài sản, hai bị cáo đã lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius trị giá 8.000.000 đồng của chị Hoàng Thanh H và chiếc máy hàn điện tử trị giá 1.100.000 đồng của ông Nguyễn Bình H1. Hai bị cáo M và C là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì thấy việc lén lút lấy tài sản của người khác để bán đi sẽ có tiền tiêu xài nên hai bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi chiếm đoạt tài sản của hai bị cáo M và C là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất an ninh, trật tự. Với tổng trị giá các tài sản mà hai bị cáo chiếm đoạt được là 9.100.000 đồng, nên bị cáo Hoàng Thế M và bị Vũ Trọng C đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đồng Đức C1 không giao dịch, hứa hẹn trước với hai bị cáo M và C nhưng khi M và C mang chiếc xe mô tô và chiếc máy hàn đến nói rõ với C1 là tài sản trộm cắp được và đề nghị C1 mua. C1 đồng ý mua và trả bằng ma túy. Bị cáo C1 là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp được mà có là trái pháp luật. Nhưng háms lòng nên bị cáo vẫn nhận mua tài sản trộm cắp để bán lại cho người khác. Hành vi tiêu thụ tài sản trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động giao dịch chuyển quyền tài sản hợp pháp được nhà nước công nhận, hành vi này là nguồn gốc hình thành thị trường trao đổi, mua bán tài sản bất hợp pháp, đồng thời cũng xâm phạm đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc điều tra, thu hồi tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có. Do đó, bị cáo Đồng Đức C1 đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo phạm tội

Hiện nay, nạn trộm cắp đi cùng với nó là hoạt động tiêu thụ tài sản phạm pháp đang gia tăng và có diễn biến phức tạp gây khó khăn cho các lực lượng trực tiếp đấu tranh chống loại tội phạm này. Hậu quả của loại tội phạm này là gây mất an ninh trật tự, xáo trộn cuộc sống bình yên, gây bất an, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Để ngăn chặn loại tội phạm này cần phải áp dụng hình phạt đối với người thực hiện. Trong vụ án, bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1 đã phạm tội nên cần phải buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

Về nhân thân,

Bị cáo Hoàng Thế M nghiện ma túy từ năm 2009, năm 2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh, bị cáo chấp hành xong ngày 28/4/2012; tháng 11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo chấp hành xong ngày 01/12/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính, đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính đối với tiền sự năm 2010; còn tiền sự năm 2016, tính thời gian từ tháng 12/2018 đến thời điểm bị cáo M phạm tội tháng 6/2019 thì chưa đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính, qua đó đánh giá bị cáo Hoàng Thế M có nhân thân xấu.

Bị cáo Vũ Trọng C nghiện ma túy từ năm 2014, tháng 6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo chấp hành xong ngày 05/7/2018; tháng 9/2018 bị Công an huyện Thủy Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính, thời gian tính đến thời điểm bị cáo C phạm tội tháng 6/2019 thì chưa đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính đối với 02 tiền sự này, qua đó đánh giá bị cáo Vũ Trọng C có nhân thân xấu.

Bị cáo Vũ Trọng C1 có 06 tiền án, cụ thể:

- Bản án số 67 ngày 12/9/1991 của TAND huyện An Hải, thành phố Hải Phòng phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân.

- Bản án số 76 ngày 01/10/1992 của TAND huyện An Hải, thành phố Hải Phòng phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp với 12 tháng tù của bản án trước, buộc chấp hành 24 tháng tù.

Do trị giá tài sản trộm cắp dưới 500.000 đồng nên hai tiền án này của bị cáo được đương nhiên xóa án tích từ ngày 04/01/2000 theo điểm c, đ Mục 3 của Nghị quyết số 32/1999/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bản án số 06 ngày 10/01/1996 của TAND thành phố Hải Phòng phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội Gây rối trật tự công cộng.

Tiền án này bị cáo đã nộp đủ án phí ngày 08/5/1997 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2000. Nhưng ngày 23/3/2001, bị cáo lại phạm tội mới.

- Bản án số 09/ST ngày 12/6/2001 của TAND huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (của hành vi phạm tội ngày 23/3/2001).

- Bản án số 333.STHS ngày 13/11/2001 của TAND TP Hải Phòng phạt 11 năm tù về tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản, tổng hợp với 03 năm tù của bản án trước, buộc chấp hành 14 năm tù.

Hai tiền án trên, bị cáo đã nộp xong án phí ngày 17/2/2011 và hết thời hiệu thi hành nghĩa vụ bồi thường, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2013. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 70, khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Hình sự, bị cáo được đương nhiên xóa án tích ngày 23/6/2016.

Do thời điểm chấp hành xong bản án sau của bị cáo là ngày 23/6/2013 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 70, khoản 2 Điều 73 của Bộ luật Hình sự thì Bản án 06 ngày 10/01/1996 của TAND thành phố Hải Phòng phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội Gây rối trật tự công cộng đối với bị cáo được đương nhiên xóa án tích ngày 23/6/2015.

- Bản án số 42/2017/HSST ngày 26/9/2017 của TAND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền án này bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/11/2018 và chưa thi hành nghĩa vụ nộp án phí và nộp lại tiền thu lợi bất chính. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 70, khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Hình sự, tiền án này của bị cáo chưa được xóa.

Với 06 tiền án trước khi phạm tội mới, dù bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích 05 tiền án và chỉ còn 01 tiền án năm 2017 chưa được xóa nhưng qua đó đánh giá bị cáo Đồng Đức C1 có nhân thân rất xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo Hoàng Thế M và bị cáo Vũ Trọng C phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Đồng Đức C1 có 01 tiền án 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 42/2017/HSST ngày 26/9/2017 của TAND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng chưa được xóa. Lần này bị cáo C1 đã cố ý thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên bị cáo được coi là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị phải phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Quá trình từ khi bị khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả ba bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1 đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được xem xét áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về vai trò đồng phạm trong tội Trộm cắp tài sản

Bị cáo Hoàng Thế M và bị cáo Vũ Trọng C là bạn nghiện ma túy đã cùng bàn bạc đi trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài, thể hiện tính chất đồng phạm giản đơn, hai bị cáo đều là người thực hành có vai trò ngang nhau.

Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm, Hội đồng xét xử xét mức hình phạt chính mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1 cũng như việc không áp dụng hình phạt tiền bổ sung do các bị cáo không có thu

nhập và không có tài sản riêng là phù hợp, đảm bảo trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về biện pháp tư pháp

Bị cáo M và bị cáo C đã bán chiếc xe mô tô Yamaha Sirius cho bị cáo C1. Bị cáo C1 bán xe cho ông M với giá 2.500.000 đồng và đi mua ma túy chia M và C lượng ma túy trị giá 800.000 đồng và hưởng lợi 1.700.000 đồng. Hai bị cáo M và C, mỗi bị cáo đã sử dụng hết 04 gói ma túy trị giá 400.000 đồng.

Bị cáo M và bị cáo C bán cho C1 chiếc máy hàn với giá 1.000.000 đồng và đã được C1 trả bằng lượng ma túy trị giá 400.000 đồng. M và C, mỗi bị cáo đã sử dụng hết lượng ma túy trị giá 200.000 đồng.

Do vậy cần truy thu số tiền được hưởng lợi do bán tài sản trộm cắp đối với các bị cáo như sau: Số tiền 1.700.000 đồng đối với bị cáo C1; số tiền 600.000 đồng đối với bị cáo M; số tiền 600.000 đồng đối với bị cáo C.

[5] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thế M và bị cáo Vũ Trọng C đồng phạm tội Trộm cắp tài sản.

Phạt bị cáo Hoàng Thế M 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2019.

Phạt bị cáo Vũ Trọng C 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Đồng Đức C1 phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Phạt bị cáo Đồng Đức C1 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2019.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Hoàng Thế M số tiền 600.000 đồng.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Vũ Trọng C số tiền 600.000 đồng.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Đồng Đức C1 số tiền 1.700.000 đồng.

Trường hợp bị cáo chậm nộp tiền truy thu thì phải chịu lãi trên số tiền chưa nộp tương ứng với thời gian chậm nộp theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Bị cáo Hoàng Thế M, Vũ Trọng C và Đồng Đức C1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06)
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng
- CA, VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương